

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/DS-ST

Ngày: 24 - 4 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuần;
2. Ông Phan Văn Truyen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Phan Gia Hân - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 08/4/2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Văn L, sinh năm 1970.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Bà D có mặt; ông L và bà H có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2025 của nguyên đơn bà Phạm Thị D và phần trình bày của bà D trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Phạm Thị D là chủ thảo tổ chức dây hụi mùa, khai lần đầu vào ngày 20/03/2019, mỗi phần là 10.000.000 đồng, 01 năm khai 02 lần tương ứng với 02 mùa lúa Đông X và Hè T. Dây hụi này có 14 người tham gia với tổng 14 phần, ông L và bà H tham gia 01 phần (trong giấy hụi tên là 2 Lập). Dây hụi này mãi vào vụ hè thu năm 2025 (tháng 7/2025).

Ông L, bà H bỏ thăm trúng hụi và hốt hụi vào vụ mùa Hè thu 2019 (kỳ hụi thứ 02). Sau khi hốt hụi, ông L và bà H có đóng hụi chết đến vụ mùa H1 thu 2024 thì không đóng, đến kỳ Đông 2025 là kỳ tiếp theo cũng không đóng nên nợ bà D tổng số tiền hụi là 2 kỳ x 10.000.000 đồng = 20.000.000 đồng, sau đó bà H trả được cho bà D 5.000.000 đồng nên còn nợ 15.000.000 đồng, ngày 24/3/2025 bà H có làm giấy biên nhận chữ viết tay xác nhận nợ số tiền 15.000.000 đồng, hứa trả mỗi vụ lúa 5.000.000 đồng tuy nhiên đến nay không trả. Ngoài ra kỳ hụi cuối là vụ H1 thu năm 2025 là 10.000.000 đồng bà H cũng chưa đóng hụi. Do đó, tổng số tiền bà H và ông L nợ bà D là 15.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

Trước đây bà H có trả cho bà D được 1.500.000 đồng là trả lãi do bà H chậm trả nợ hụi. Tuy nhiên nay bà H cho rằng trả vào khoản nợ gốc 25.000.000 đồng thì bà D cũng đồng ý cần trừ vào nợ hụi gốc. Do đó theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà H và ông L trả tiền hụi là 25.000.000 đồng, nay thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà H và ông L trả số tiền là 23.500.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà H và ông L là vợ chồng hốt hụi để sử dụng trong gia đình, ông L có biết. Trong giấy biên nhận ngày 24/3/2025 bà H ghi nợ tiền của " 4 tỷ" là tên thường gọi của bà D ở địa phương.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có văn bản đề nghị vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Bà H tham gia 02 dây hụi do bà D làm chủ hụi, cụ thể dây nào thì không nhớ, trước đây bà H hốt hụi để làm ăn trồng rau má nhưng bị thua lỗ. Bà H xác định chỉ còn nợ bà D 23.500.000 đồng vì trước đó đã trả cho bà D 1.500.000 đồng. Do đó nay chỉ đồng ý trả 23.500.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Văn L có văn bản đề nghị vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, bà H và ông L có

đơn đề nghị vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt là đúng quy định Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Tại phiên toà bà D chỉ yêu cầu bà H và ông L liên đới trả tổng số tiền nợ hui là 23.500.000 đồng là có cơ sở vì căn cứ vào giấy nhận tiền hui ngày 24/3/2025 có bà H ký nhận, hiện bà H cũng thừa nhận còn nợ bà D 23.500.000 đồng. Đồng thời việc bà Hoàng H2 hui nhằm sử dụng chung trong gia đình trong thời kỳ hôn nhân với ông L nên ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của bà D là có căn cứ chấp nhận theo Điều 13, Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L trả tiền nợ hui. Bị đơn bà H và ông L có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hui, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[2] Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông L theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà Phạm Thị D yêu cầu ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ hui là 25.000.000 đồng, tuy nhiên bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả 23.500.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện như trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn bà H thừa nhận tham gia đây hui do bà D tổ chức, đã hót hui và còn nợ số tiền 23.500.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định giữa bà D và bà H có xác lập giao dịch hui theo Điều 471 Bộ luật Dân sự. Nay bà D yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà H và ông L là vợ chồng, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, số tiền hui được bà H và ông L sử dụng để phát triển kinh tế gia đình, ông L có biết và không có ý kiến phản đối. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà D buộc bà H và ông L liên đới thanh toán số tiền 23.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà H và ông L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 274, 288, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2029 của Chính phủ về họ, họ, phường;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D về tranh chấp hợp đồng góp hội với bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí là 1.175.000 đồng. Bà Phạm Thị D không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Dân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013058 ngày 0013056 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung